



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO THỜI KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

Produced with ScanTOPDF

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

www.scantopdf.eu

www.scantopdf.eu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh các báo cáo tài chính	10 - 27

Produced with ScanTOPDF



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn – Quy Nhơn, dưới đây gọi là Công ty, cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ bảy ngày 27/11/2009.

Trụ sở chính của công ty hiện đặt tại Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Hoạt động chính của Công ty

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;
- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại chức trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đặng Thị Hoàng Phượng : Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Trần Triệu Thanh : Thành viên

Bà Hoàng Thị Kim Hiền : Thành viên

Ông Đặng Nhứt : Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hương : Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Ngô Thị Phương Thủy : Trưởng Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Cát Tường : Thành viên

Bà Dư Ngọc Mỹ Loan : Thành viên

Bà Phan Thị Thanh Yên : Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Trần Triệu Thanh : Tổng Giám đốc

Ông Chau Kin Hang Kelvin : Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Ông Lê Hoàng Lân : Phó Tổng Giám đốc tài chính đầu tư

Bà Nguyễn Thị Vân Anh : Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Kế toán trưởng

Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan : Kế toán trưởng

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THỜI KỲ TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010.

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC).

- Tổng doanh thu: 50.843.158.019 VND
- Tổng chi phí: 44.907.201.418 VND
- Lãi trước thuế: 5.935.956.601 VND

4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho thời kỳ soát xét từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn – Quy Nhơn.

5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối kỳ kế toán để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc kỳ kế toán.
- Các hoạt động trong kỳ của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

05130
ONG T
KIỂM H
ÁN VÀ
C THÀN
CHÍ M
P. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



TM. Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRẦN TRIỆU THANH

Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 12 tháng 08 năm 2010

41-C
Y
JU HAN
DICH V
H PHO
INH
CHI

Produced with ScanTopDF



Số: 0710355 /AISC-DN1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email : aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO THỜI KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN 30/06/2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, được lập ngày 20 tháng 07 năm 2010 của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn, dưới đây gọi là Công ty, từ trang 5 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho thời kỳ từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam – CPA Việt Nam.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ở đây chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính, về việc một số chỉ tiêu ở số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được trình bày lại cho phù hợp với thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp (xem thuyết minh BCTC mục VIII.1).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2010

Kiểm toán viên

Phạm Thị Hồng Uyên
Chứng chỉ KTV số: 0794/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tổng Giám Đốc

Phạm Văn Vinh
Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang
Representative in Can Tho : 64 Nam Ky Khoi Nghia St, Ninh Kieu Dist, Can Tho
Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045 /46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn
Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620 Email: aiscst@dng.vnn.vn
Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765
Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.294.408.576	322.630.379.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.658.313.392	135.644.396.541
1. Tiền	111		17.658.313.392	135.644.396.541
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	46.340.000.000	35.800.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		46.340.000.000	35.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	137.359.012.771	104.043.339.003
1. Phải thu khách hàng	131		85.517.688.313	89.501.876.993
2. Trả trước cho người bán	132		26.299.609.233	12.080.390.619
3. Các khoản phải thu khác	135		25.541.715.225	2.461.071.391
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	72.505.649.511	41.305.483.620
1. Hàng tồn kho	141		72.505.649.511	41.305.483.620
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.431.432.902	5.837.160.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.1	1.161.502.957	692.152.834
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.402.257.103	4.671.984.398
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.2	3.867.672.842	473.022.835
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		943.677.158.237	944.960.180.357
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		204.821.977.613	201.345.581.508
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.1	193.510.958.833	198.745.451.593
- Nguyên giá	222		208.372.702.193	206.483.368.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.861.743.360)	(7.737.916.800)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6.2	77.659.798	-
- Nguyên giá	228		106.128.800	10.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.469.002)	(10.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.3	11.233.358.982	2.600.129.915
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	731.300.000.000	735.950.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	4.650.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		731.300.000.000	731.300.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.555.180.624	7.664.598.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	7.555.180.624	7.664.598.849
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.227.971.566.813	1.267.590.559.588

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.869.057.793	151.603.371.792
I. Nợ phải trả	310		62.566.505.611	71.773.449.556
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	40.436.967.475	42.322.495.343
2. Phải trả cho người bán	312	V.10	14.234.474.236	18.196.200.267
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	-	29.055.600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3.811.040.279	5.693.138.775
5. Phải trả người lao động	315		56.970.000	-
6. Chi phí phải trả	316	V.13	30.206.000	2.357.778.628
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	3.924.895.021	3.165.292.443
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		71.952.600	9.488.500
II. Nợ dài hạn	330		45.302.552.182	79.829.922.236
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	45.302.552.182	79.829.922.236
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	1.120.102.509.020	1.115.987.187.796
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.120.102.509.020	1.115.987.187.796
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		105.000.000.000	105.000.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(225.985.569)
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.102.509.020	11.213.173.365
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.227.971.566.813	1.267.590.559.588

Kế toán trưởng



HUỲNH THỊ NGỌC LAN

Bình Định, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRẦN TRIỆU THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.720.518.492	96.221.869.159
Trong đó: doanh thu xuất khẩu			10.037.226.150	-
2. Các khoản giảm trừ	02		1.961.028.000	-
- Thuế xuất khẩu			1.961.028.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.759.490.492	96.221.869.159
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30.126.443.792	66.342.405.413
5. Lợi nhuận gộp	20		11.633.046.700	29.879.463.746
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.475.215.177	60.145.055
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.436.592.898	4.793.002.733
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.091.043.801	658.591.557
8. Chi phí bán hàng	24		682.395.619	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.700.741.109	1.652.254.850
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		5.288.532.251	23.494.351.218
11. Thu nhập khác	31	VI.5	647.424.350	13.864.015.531
12. Chi phí khác	32	VI.6	-	10.428.343.217
13. Lợi nhuận khác	40		647.424.350	3.435.672.314
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		5.935.956.601	26.930.023.532
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.546.620.946	4.546.676.975
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-	292.688.235
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	60		4.389.335.655	22.090.658.322
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	44	21.839

Bình Định, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



HUỲNH THỊ NGỌC LAN

Tổng Giám đốc




NGUYỄN TRẦN TRIỆU THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.935.956.601	26.930.023.532
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		7.142.295.562	1.371.623.119
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.251.928.610)	(2.363.579.075)
Chi phí lãi vay	06		6.091.043.801	658.591.557
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		12.917.367.354	26.596.659.133
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(33.734.116.713)	(28.904.274.482)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(31.664.985.409)	(8.976.690.699)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(4.636.739.552)	30.319.259.285
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		(364.078.898)	(14.242.851.224)
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.410.692.432)	(7.532.488.675)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.472.880.670)	(1.452.163.657)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(437.535.900)	(476.335.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(67.803.662.220)	(4.668.885.319)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(10.149.725.149)	(46.900.359.395)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(162.707.092.370)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		152.167.092.370	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.063.189.392)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		16.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.258.455.573	51.811.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.494.458.968)	(46.848.547.540)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	105.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.446.820.560	66.248.715.854

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(46.134.782.521)	(85.276.452.649)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(36.687.961.961)</u>	<u>85.972.263.205</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(117.986.083.149)	34.454.830.346
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		135.644.396.541	5.261.687.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		<u>17.658.313.392</u>	<u>39.716.518.157</u>

Bình Định, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



HUỲNH THỊ NGỌC LAN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRẦN TRIỆU THANH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ bảy ngày 27/11/2009.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ bảy là: 1.200.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của công ty hiện đặt tại Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, khai thác và chế biến quặng Titan

3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;
- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy đổi của ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ và nợ ngắn hạn cuối kỳ được phản ánh trên bảng cân đối kế toán.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi : dựa vào đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc ban Tổng giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	02 - 20	năm
Máy móc, thiết bị	02 - 15	năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 07	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tái sản khác	02 - 15	năm

5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

6 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang.

7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh. Chi phí lãi vay được vốn hóa khi có đủ điều kiện quy định trong chuẩn mực Chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

8.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư dài hạn khác của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vốn vào các công ty với mục tiêu đầu tư chiến lược lâu dài. Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng, đối với các khoản đầu tư dài hạn Công ty sẽ trích lập dự phòng khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: chi phí về công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng, chi phí di dời trạm biến áp ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 12 tháng.

9.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí trước thành lập nhà máy sản xuất xỉ Titan, chi phí công cụ dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.

10 Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác ...

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

13 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

14.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

14.2 Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

14.3 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

14.4 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận lợi nhuận hay được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn.

14.5 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 sửa đổi ngày 23/06/2009 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội cấp, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:

- Đối với dự án Khu liên hiệp sản xuất và Khu nhà xưởng cho thuê được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động.
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án trên;

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 35101000085 ngày 26/3/2008, Dự án Đầu tư Hạ tầng Cụm công nghiệp chế biến sâu titan được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 35101000076 ngày 25/4/2008 do UBND tỉnh Bình Định cấp, Dự án Nhà máy sản xuất xỉ titan được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền

	30/06/2010	01/01/2010
Tiền mặt	53.105.418	134.659.959
Tiền gửi Ngân hàng	17.605.207.974	135.509.736.582
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	17.590.056.807	135.504.135.761
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	15.151.167	5.600.821
Tổng cộng	17.658.313.392	135.644.396.541

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	30.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.000.000.000	5.800.000.000
Cho vay cá nhân	44.340.000.000	-
Cộng	46.340.000.000	35.800.000.000
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	-	-
Tổng cộng	46.340.000.000	35.800.000.000

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	85.517.688.313	89.501.876.993
<i>Khách hàng trong nước</i>	85.517.688.313	89.501.876.993
<i>Khách hàng nước ngoài</i>	-	-
Trả trước cho người bán	26.299.609.233	12.080.390.619
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>	22.324.724.297	3.860.734.664
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>	3.974.884.936	8.219.655.955
Phải thu khác	25.541.715.225	2.461.071.391
<i>Khách hàng trong nước</i>	25.541.715.225	2.461.071.391
<i>Khách hàng nước ngoài</i>	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi (-)	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	137.359.012.771	104.043.339.003

4 Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
Nguyên liệu, vật liệu	17.517.504.205	11.220.995.600
Công cụ, dụng cụ	65.985.625	52.617.465
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	509.981.123	1.300.227.522
Thành phẩm	41.874.257.840	16.331.790.680

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Thành phẩm sản xuất thử	12.347.254.625	12.347.254.625
Hàng hóa	138.068.365	-
Hàng gửi đi bán	52.597.728	52.597.728
Tổng Cộng	72.505.649.511	41.305.483.620
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	72.505.649.511	41.305.483.620

5 Tài sản ngắn hạn khác

30/06/2010 01/01/2010

5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu kỳ	692.152.834	380.554.798
Phát sinh trong kỳ	9.691.063.176	1.000.655.615
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	9.221.713.053	689.057.579
Số cuối kỳ	1.161.502.957	692.152.834

5.2 Thuế GTGT được khấu trừ

Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	5.402.257.103	4.671.984.398
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	-	-
Cộng	5.402.257.103	4.671.984.398

5.3 Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	968.576.842	377.022.835
<i>Nguyễn Trần Triệu Thanh</i>	198.100.000	60.000.000
<i>Nguyễn Hoàng Thiên An</i>	102.488.948	10.000.000
<i>Nguyễn Cẩm Phương</i>	112.476.245	149.245.000
<i>Chung Hòa Nhiên</i>	173.559.500	-
<i>Đối tượng khác</i>	381.952.149	157.777.835
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.899.096.000	96.000.000
Cộng	3.867.672.842	473.022.835
Tổng cộng	10.431.432.902	5.837.160.067

6 Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình: Xem Thuyết minh tại trang 26

6.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	-	10.000.000	10.000.000
-Mua trong kỳ	-	-	96.128.800	96.128.800
Số dư cuối kỳ	-	-	106.128.800	106.128.800

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	-	-	10.000.000	10.000.000
-Khấu hao trong kỳ	-	-	18.469.002	18.469.002
Số dư cuối kỳ	-	-	28.469.002	28.469.002
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	77.659.798	77.659.798

6.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		30/06/2010	01/01/2010
Số dư đầu kỳ			2.600.129.915
Tăng trong kỳ			10.029.381.049
Kết chuyển sang TSCĐ			1.396.151.982
Số dư cuối kỳ			11.233.358.982
		30/06/2010	01/01/2010
Nhà máy sản xuất xỉ Titan		954.628.318	2.057.180.370
Nhà máy sản xuất xỉ Titan_Xưởng tuyển tinh quặng Ilmenite		6.126.098.531	-
Cụm công nghiệp chế biến sâu Titan tại Phù Mỹ		560.891.363	542.949.545
Dự án Nhà máy tuyển tinh quặng Ilmenite tại Bình Thuận		3.591.740.770	-
Tổng cộng		11.233.358.982	2.600.129.915

7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		-		4.650.000.000
Công ty CP Bông đá SQC Bình Định (a)	-	-	465.000	4.650.000.000
Đầu tư dài hạn khác		731.300.000.000		731.300.000.000
Công ty CP ĐTPT Nhà máy điện SG - Bình Thuận	15.500.000	310.000.000.000	15.500.000	310.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Ninh Thuận	130.000	1.300.000.000	130.000	1.300.000.000
Công ty CP Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	42.000.000	420.000.000.000	42.000.000	420.000.000.000
Tổng cộng		731.300.000.000		735.950.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		-
Giá trị thuần các khoản đầu tư dài hạn		731.300.000.000		735.950.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

(a) Công ty góp vốn thêm trong kỳ là 1.135.000 cổ phiếu tương đương 11.350.000.000 đồng. Sau đó chuyển nhượng 1.600.000 cổ phiếu cho Ông Nguyễn Sơn, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị chuyển nhượng là 16.000.000.000 đồng.

8 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước dài hạn		
Số đầu kỳ	7.664.598.849	3.306.268.642
Phát sinh trong kỳ	1.225.277.185	16.379.758.890
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	1.334.695.410	11.516.812.248
Trừ: kết chuyển giảm khác	-	504.616.435
Số cuối kỳ	7.555.180.624	7.664.598.849
Chi tiết khoản chi phí trả trước dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
Chi phí trước hoạt động nhà máy xỉ Titan	6.193.465.617	7.451.071.685
Chi phí công cụ dụng cụ	194.593.735	213.527.164
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.167.121.272	-
Cộng	7.555.180.624	7.664.598.849

9 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	40.436.967.475	42.322.495.343
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	1.635.653.000	5.710.611.868
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Bình Định	-	5.621.736.560
Ngân hàng TMCP Nam Việt (**)	38.801.314.475	30.990.146.915
Tổng cộng	40.436.967.475	42.322.495.343

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 50.10.401.343072.TD.DN ngày 09/03/2010, số tiền cho vay là 35.290 USD, thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay là 6.2%/năm và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 37.10.401.343072.TD.DN ngày 08/02/2010, số tiền cho vay là 52.130 USD, thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay là 6.7%/năm. Tài sản đảm bảo: Thế chấp khoản tiền gửi tiết kiệm 2.000.000.000 VNĐ.

(**) Hợp đồng tín dụng số 090320/HĐHM ngày 03/07/2009, hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VNĐ, thời hạn duy trì HMTD là 36 tháng, thời hạn vay đối đa là 12 tháng tính từ ngày giải ngân, lãi suất vay 10,5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ nhà xưởng và các công trình xây dựng của nhà máy sản xuất xỉ Titan tại Cụm công nghiệp chế biến sâu Titan của thôn Hòa Hội Nam, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

10 Phải trả người bán

	30/06/2010	01/01/2010
Khách hàng trong nước	14.234.474.236	18.196.200.267
Tổng cộng	14.234.474.236	18.196.200.267

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

11 Người mua trả tiền trước

	30/06/2010	01/01/2010
Khách hàng trong nước	-	29.055.600
Tổng cộng	-	29.055.600

12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	228.405.447	140.673.477
Thuế xuất nhập khẩu	-	12.940.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.550.208.694	5.476.468.418
Thuế thu nhập cá nhân	32.426.138	63.055.904
Tổng cộng	3.811.040.279	5.693.138.775

13 Chi phí phải trả

	30/06/2010	01/01/2010
Chi phí điện sản xuất	-	121.336.320
Chi phí vận chuyển	-	80.127.858
Chi phí khác	30.206.000	2.156.314.450
Tổng cộng	30.206.000	2.357.778.628

14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.651.360.542	2.798.190.900
Khoản phải trả khác	1.273.534.479	367.101.543
Tổng cộng	3.924.895.021	3.165.292.443

15 Nợ dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
Vay và nợ dài hạn	45.302.552.182	79.829.922.236
<i>Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)</i>	<i>45.302.552.182</i>	<i>79.829.922.236</i>
Tổng cộng	45.302.552.182	79.829.922.236

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Việt theo 2 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 090322/TDTH ngày 06/07/2009, số tiền cho vay là 45.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay là 10,5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Mục đích vay: Thực hiện dự án đầu tư sản xuất xỉ Titan. Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ văn phòng, nhà xưởng và các công trình xây dựng khác của Dự án Nhà máy sản xuất xỉ Titan; Hệ thống 2 lò luyện xỉ Titan nhập tại Trung Quốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- Hợp đồng tín dụng số 080867/TDTH ngày 28/11/2008, số tiền cho vay là 35.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay 10,5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại nhà máy sản xuất xỉ Titan. Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ văn phòng, nhà xưởng và các công trình xây dựng khác của nhà máy xây dựng trên lô đất A1 và A2 tại Cụm công nghiệp chế biến sâu Titan của thôn Hòa Hội Nam, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

16 Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Thuyết minh tại trang 27

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	30/06/2010	01/01/2010
Vốn góp của nhà nước	-	-
Vốn góp của đối tượng khác	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Tổng cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối

	30/06/2010	01/01/2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16.4 Cổ tức

16.5 Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/cổ phiếu	10.000 đ/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KQHĐKD

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Doanh thu bán hàng hóa	26.963.700.230	22.632.389.010
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.818.249.012	26.573.729.600
Doanh thu xây dựng, san lấp mặt bằng	1.411.937.273	46.922.160.549
Doanh thu khác	1.526.631.977	93.590.000
Cộng	43.720.518.492	96.221.869.159
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.961.028.000	-
Doanh thu thuần	41.759.490.492	96.221.869.159

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Giá vốn hàng hóa đã bán	21.666.149.705	14.696.356.500
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.772.229.837	15.814.338.229
Giá vốn xây dựng, san lấp mặt bằng	1.161.432.273	35.738.120.684
Giá vốn khác	1.526.631.977	93.590.000
Tổng cộng	30.126.443.792	66.342.405.413

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.251.928.610	49.973.126
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	223.286.567	10.171.929
Tổng cộng	6.475.215.177	60.145.055

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Chi phí lãi vay	6.091.043.801	658.591.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	345.549.097	4.134.411.176
Tổng cộng	6.436.592.898	4.793.002.733

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Thu nhập từ bán tài sản cố định	-	1.381.818.182
Thu nhập từ bán tài sản dở dang	-	12.461.418.182
Thu nhập bán phế phẩm	570.438.000	-
Thu nhập khác	76.986.350	20.779.167
Tổng cộng	647.424.350	13.864.015.531

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Giá trị tài sản cố định đã bán	-	1.015.487.013
Giá trị tài sản dở dang đã bán	-	9.412.856.204
Tổng cộng	-	10.428.343.217

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.424.215.845	5.685.140.402
Chi phí nhân công	3.774.044.683	1.362.992.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.142.295.562	1.369.143.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.640.269.532	39.177.929.015
Chi phí bằng tiền khác	3.656.279.044	408.135.958
Tổng cộng	44.637.104.666	48.003.342.012

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Tổng lợi nhuận (Lỗ) kế toán trước thuế	5.935.956.601	26.930.023.532
Các khoản điều chỉnh tăng	250.527.183	723.491.957
Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.672.504.202
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	6.186.483.784	25.981.011.287
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	1.546.620.946	6.495.252.822
Thuế TNDN được miễn giảm theo TT03/BTC	-	1.948.575.847
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.546.620.946	4.546.676.975

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	292.688.235
- Tổng Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	292.688.235

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.389.335.655	22.090.658.322
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.389.335.655	22.090.658.322
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	1.011.522
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	44	21.839
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đ/cổ phiếu	100.000 đ/cổ phiếu

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên báo cáo tài chính của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ kế toán hiện hành theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Công ty đã trình bày lại các khoản mục sau:

Khoản mục	Mã số	BCTC 01/01/2010 - 30/06/2010 ngày 01/01/2010	BCTC 2009 ngày 31/12/2009	Chênh lệch
1) Nợ ngắn hạn	310	71.773.449.556	71.763.961.056	9.488.500
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	9.488.500	-	9.488.500
2) Nguồn kinh phí, các quỹ khác	430	-	9.488.500	(9.488.500)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	-	9.488.500	(9.488.500)

2. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ Phải thu/(Phải trả)
Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn	Cổ đông	Phải thu chuyển nhượng nhà xưởng cho thuê tại KCN Nhơn Hội		36.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Cổ đông	Công ty cho vay tiền Lãi vay phải thu	89.660.000.000	19.000.000.000 162.555.556

3. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Kế toán trưởng



HUỲNH THỊ NGỌC LAN

Bình Định, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRẦN TRIỆU THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	80.249.400.146	120.837.751.513	2.842.206.818	315.153.521	2.238.856.395	206.483.368.393
- Mua trong kỳ	-	481.818.182	-	11.363.636	-	493.181.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.396.151.982	-	-	-	1.396.151.982
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	80.249.400.146	122.715.721.677	2.842.206.818	326.517.157	2.238.856.395	208.372.702.193
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	90.406.966	6.622.077.996	893.254.895	119.456.739	12.720.204	7.737.916.800
- Khấu hao trong kỳ	2.336.432.067	4.373.877.143	228.660.698	67.435.422	117.421.230	7.123.826.560
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.426.839.033	10.995.955.139	1.121.915.593	186.892.161	130.141.434	14.861.743.360
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu kỳ	80.158.993.180	114.215.673.517	1.948.951.923	195.696.782	2.226.136.191	198.745.451.593
- Tại ngày cuối kỳ	77.822.561.113	111.719.766.538	1.720.291.225	139.624.996	2.108.714.961	193.510.958.833

Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 190.856.315.599 VND

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.528.079.121 VND

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: : Đồng Việt Nam

Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2009	95.000.000.000	-	-	-	693.524.318	95.693.524.318
- Tăng vốn trong năm	905.000.000.000	105.000.000.000	-	-	-	1.010.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	26.019.649.047	26.019.649.047
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	225.985.569	-	225.985.569
- Chia cổ tức	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
- Trích các quỹ	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Số dư 31/12/2009	1.000.000.000.000	105.000.000.000	-	(225.985.569)	11.213.173.365	1.115.987.187.796
Số dư 01/01/2010	1.000.000.000.000	105.000.000.000	-	(225.985.569)	11.213.173.365	1.115.987.187.796
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.389.335.655	4.389.335.655
- Tăng khác	-	-	-	225.985.569	-	225.985.569
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
- Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2010	1.000.000.000.000	105.000.000.000	-	-	15.102.509.020	1.120.102.509.020

